

Số: 31 /2022/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 07 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6
năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật
Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu
thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi
hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu
tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ
thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2022 và thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Đơn vị tỉnh BK;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo, Cổng thông tin DT tỉnh BK;
- Báo Bắc Kạn, Đài PT - TH Bắc Kạn;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Lưu, GTCNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]
Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2022/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Khuyến khích các dự án sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 10/2021/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các bộ, ngành có liên quan.

**Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng

1. Nội dung sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng; phương pháp xác định sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Thẩm định tổng mức đầu tư xây dựng là một nội dung của thẩm định dự án đầu tư xây dựng. Cơ quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định tổng mức đầu tư.

Điều 4. Dự toán xây dựng công trình và dự toán gói thầu

Dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 5. Định mức xây dựng

Định mức xây dựng gồm định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức chi phí. Công tác quản lý định mức xây dựng được thực hiện theo Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, trong đó:

1. Việc xác định định mức dự toán mới, điều chỉnh định mức dự toán thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục III Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Chủ đầu tư tổ chức khảo sát (hoặc thuê tổ chức tư vấn đủ điều kiện năng lực) để chuẩn xác lại các nội dung của định mức gồm quy định áp dụng, thành phần công việc, thành phần hao phí, đơn vị tính, trị số định mức trong quá trình thi công thực tế; kết quả xác định định mức được gửi về Sở Xây dựng phục vụ rà soát, hoàn thiện hệ thống định mức xây dựng theo quy định.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổ chức rà soát, hoặc thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện năng lực thực hiện rà soát, xác định các định mức mới, định mức điều chỉnh, trình UBND tỉnh ban hành sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng và tổng hợp kết quả xây dựng định mức (đối với các định mức dự toán mới) gửi về Bộ Xây dựng làm cơ sở quản lý theo quy định.

Điều 6. Giá xây dựng công trình

Giá xây dựng công trình gồm đơn giá xây dựng chi tiết và giá xây dựng tổng hợp, làm cơ sở để xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng. Nội dung, phương pháp xác định, quản lý giá xây dựng công trình thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Điều 7. Giá vật liệu xây dựng, nhân công, máy thi công

1. Quản lý công bố giá vật liệu xây dựng

a) Sở Xây dựng công bố giá vật liệu tại cơ sở sản xuất, khai thác, cửa hàng, đại lý, cơ sở cung ứng vật liệu tại trung tâm các huyện, thành phố để các tổ chức, cá nhân sử dụng, tham khảo trong việc xác định giá xây dựng công trình. Tùy theo mức độ biến động giá vật liệu của thị trường hoặc theo đề nghị của chủ đầu tư, Sở Xây dựng sẽ công bố bổ sung.

Đối với các công trình xây dựng ngoài khu vực trung tâm các huyện, thành phố hoặc các công trình có điều kiện địa hình, loại hình vận chuyển khác với quy định trong công bố giá thì chủ đầu tư phải tổ chức xác định cự ly vận chuyển vật liệu, khảo sát nguồn cung cấp vật liệu, phương tiện vận chuyển, thu thập giá cước vận chuyển của các doanh nghiệp hoặc áp dụng, vận dụng tính cước vận chuyển theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hoặc theo bảng phân cấp loại đường, giá cước vận chuyển do cấp có thẩm quyền ban hành để lập phương án so sánh giá vật liệu đến hiện trường xây lắp đảm bảo chính xác, tiết kiệm, hiệu quả. Trong trường hợp chủ đầu tư nhận thấy loại vật liệu đó được sử dụng nhiều trong các công trình, chủ đầu tư có thể lập hồ sơ giá vật liệu đến hiện trường công trình gửi Sở Xây dựng xem xét, công bố làm cơ sở tham khảo, sử dụng.

b) Giá vật liệu đến hiện trường xây lắp được xác định theo phương pháp lập đơn giá xây dựng chi tiết. Khi xác định giá vật liệu sử dụng cho công trình xây dựng cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý và xác định giá vật liệu phù hợp giá thị trường, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

c) Vật liệu sử dụng vào công trình phải tuân thủ các yêu cầu về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm hàng hóa, có xuất xứ, nhãn hiệu rõ ràng theo quy định của pháp luật; ưu tiên sử dụng sản phẩm có quy cách, thông số kỹ thuật và chất lượng tương đương với sản phẩm nhập ngoại do các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và trong nước sản xuất.

d) Đối với các vật liệu xây dựng không có trong công bố hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với điều kiện cụ thể nơi xây dựng công trình thì căn cứ vào mặt bằng giá thị trường, hóa đơn, chứng từ hợp lệ, báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu để lựa chọn mức giá phù hợp nhất, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu.

đ) Đối với các loại vật tư, thiết bị đặc thù; vật tư thiết bị chuyên ngành thuộc dự án nhưng không phải vật tư thiết bị xây dựng công trình, chủ đầu tư căn cứ vào giá thị trường, báo giá của nhà sản xuất, nhà cung ứng, thông tin giá cả thị trường, giá đã áp dụng cho công trình khác có cùng tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật

và chất lượng tương tự hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm thẩm định giá làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi áp dụng.

e) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quyết định áp dụng, sử dụng giá vật liệu theo nguyên tắc tại Điểm a, b, c, d, và đ của Khoản này, theo các quy định hiện hành để làm cơ sở cho việc xác lập dự toán xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư.

2. Quản lý, công bố đơn giá nhân công xây dựng

Đơn giá nhân công xây dựng công trình được xác định quản lý theo khoản 4, Điều 8 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Quản lý, công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng

Giá ca máy và thiết bị thi công được xác định quản lý theo khoản 5, Điều 8, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

4. Các cơ sở sản xuất, khai thác, đơn vị cung ứng vật liệu xây dựng, sử dụng nhân công xây dựng; doanh nghiệp kinh doanh cung cấp, cho thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn; các chủ đầu tư, nhà thầu trúng thầu tại các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn có trách nhiệm cung cấp các thông tin về giá các yếu tố chi phí phục vụ Sở Xây dựng công bố giá theo khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 8. Chỉ số giá xây dựng

1. Nội dung, phân loại, phương pháp xác định và quản lý, công bố chỉ số giá xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 và Phụ lục II Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện việc thu thập số liệu, thuê tổ chức có đủ năng lực theo quy định thực hiện tính toán và định kỳ công bố chỉ số giá xây dựng để làm cơ sở cho việc xác định, điều chỉnh tổng mức đầu tư, giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Điều 9. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư, Cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP chịu trách nhiệm về lập hồ sơ đề nghị thanh toán với cơ quan cấp phát vốn đầu tư.

2. Cơ quan thanh toán vốn thực hiện việc công khai quy trình thanh toán, tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP và kiểm soát thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

3. Chủ đầu tư, cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP có trách nhiệm thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Thẩm định các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá công trình đối với các công việc đặc thù chuyên ngành của ngành trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Thống nhất với chủ đầu tư bằng văn bản về các định mức mới, định mức điều chỉnh, đơn giá mới, đơn giá điều chỉnh và các loại đơn giá vật liệu xây dựng khác do các chủ đầu tư đề nghị.

c) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tính toán, xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các bộ đơn giá xây dựng công trình.

d) Công bố giá vật liệu xây dựng tại cơ sở sản xuất, khai thác, cửa hàng, đại lý, cơ sở cung ứng vật liệu tại trung tâm các huyện, thành phố.

đ) Tổ chức xây dựng và công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng.

e) Tổ chức hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

g) Hàng năm gửi những định mức đã xây dựng và đơn giá đã công bố trong năm về Bộ Xây dựng theo dõi, quản lý.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán khi nhà nước thay đổi chế độ tiền lương.

b) Hướng dẫn và kiểm tra công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập biểu cước vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh và mức điều chỉnh cước khi có biến động về giá,

trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố làm cơ sở xác định giá vật liệu đến chân công trình.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Xây dựng khảo sát, xây dựng giá nhân công xây dựng và hướng dẫn điều chỉnh dự toán khi nhà nước thay đổi chế độ tiền lương.

b) Hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến chế độ tiền lương của người lao động.

5. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Giao thông Vận tải, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

a) Tổng hợp, xây dựng các định mức xây dựng, đơn giá công trình đối với các công việc đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý trên địa bàn gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình chuyên ngành đầu tư từ nguồn vốn theo quy định tại Điều 1 trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp cung cấp hồ sơ, tài liệu đối với những vật liệu xây dựng đặc thù do ngành quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành khác thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng điều tra, khảo sát giá nhân công xây dựng, giá vật liệu xây dựng hàng tháng, quý trên địa bàn quản lý.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Tổ chức xác định các định mức đặc thù chưa được Bộ Xây dựng công bố, gửi về Sở Xây dựng thẩm định, công bố theo quy định.

2. Tổ chức xác định, tính toán, điều chỉnh cho phù hợp đối với những công tác xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng đã được công bố hoặc đã có nhưng không phù hợp với điều kiện thực tế thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công công trình và gửi về Sở Xây dựng để thống nhất trước khi quyết định áp dụng.

3. Tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng về giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng chưa có trong Bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình công bố hoặc

có trong Bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình công bố nhưng chưa phù hợp do chủ đầu tư quyết định áp dụng trong công trình.

Điều 13. Trách nhiệm của đơn vị sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, vật tư, máy, thiết bị xây dựng

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan trong việc điều tra, khảo sát giá vật liệu xây dựng, vật tư, máy, thiết bị xây dựng.
2. Chấp hành việc kê khai, đăng ký, niêm yết giá theo quy định của pháp luật.
3. Khi có thay đổi về giá bán sản phẩm, gửi quyết định, báo cáo về Sở Xây dựng để công bố, quản lý và theo dõi.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định về quản lý chi phí tại thời điểm phê duyệt dự án. Trường hợp cần thiết phải thực hiện theo quy định tại Quy định này thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.
2. Các dự án đầu tư chưa thực hiện hoặc đang được thẩm định thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Quy định này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh hoặc nội dung không còn phù hợp theo quy định thì các tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.